

Số: 96 /QĐ-ĐTĐL

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình thu thập, kiểm tra, đồng bộ thời gian và ước tính số liệu đo đếm ranh giới mua buôn điện của Tổng công ty Điện lực phục vụ vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm năm 2018

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 3771/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện;

Căn cứ Quyết định số 4804/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt phương án vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hệ thống điện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thu thập, kiểm tra, đồng bộ thời gian và ước tính số liệu đo đếm ranh giới mua buôn điện của Tổng công ty Điện lực phục vụ vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm năm 2018 và hướng dẫn thực hiện Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định đo đếm điện năng trong hệ thống điện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, các Trưởng phòng thuộc Cục Điều tiết điện lực, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực, Tổng giám đốc Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Giám đốc Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Hoàng Quốc Vượng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TTD, HTĐ, PC.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Anh Tuấn

QUY TRÌNH

**Thu th p, ki m tra, ng b th i gian và c tính s li u o m ranh gi i
mua buôn i n c a T ng công ty i n l c ph c v v n hành Th tr ng
bán buôn i n c nh tranh thí i m n m 2018**

*(Ban hành kèm theo Quy t nh s 96 Q / T L ngày 29 tháng 12 n m
2017 c a C c tr ng C c i u ti t i n l c)*

Ch ng I QUY NH CHUNG

i u 1. Ph m vi i u ch nh

Quy trình này quy nh ph ng pháp, trình t th c hi n và trách nhi m c a các n v trong vi c thu th p, ki m tra, ng b th i gian và c tính s li u o m ranh gi i mua buôn i n c a T ng công ty i n l c ph c v thanh toán và v n hành Th tr ng bán buôn i n c nh tranh thí i m n m 2018.

i u 2. i t ng áp d ng

Quy trình này áp d ng i v i các n v tham gia th tr ng bán buôn i n c nh tranh thí i m sau ây:

1. T p oàn i n l c Vi t Nam (EVN).
2. Công ty Mua bán i n.
3. n v phát i n.
4. T ng công ty i n l c.
5. n v v n hành h th ng i n và th tr ng i n (Trung tâm i u h th ng i n qu c gia).
6. T ng công ty Truy n t i i n qu c gia (NPT).
7. Các n v cung c p d ch v liên quan n o m i n n ng, bao g m:
 - a) n v thí nghi m, ki m nh;
 - b) n v qu n lý s li u o m;

i u 3. Gi i thích t ng

Trong Quy trình này, các thu t ng đ i ây c hi u nh sau:

1. *Công t* là thi t b o i n n ng th c hi n tích phân công su t theo th i gian, l u và hi n th giá tr i n n ng o m c.

2. *ng b th i gian công t t i ch* là bi n pháp dùng ph n m m có ch c n ng ng b th i gian th c hi n ng b th i gian c a công t t i v trí l p t thông qua c ng giao ti p trên công t .

3. *ng b th i gian công t t xa* là bi n pháp dùng ph n m m c công t t xa, có ch c n ng ng b th i gian, s d ng trong h th ng thu th p và qu n lý s li u o m c a n v qu n lý SL .

4. *n v phát i n (VP)* là n v i n l c s h u m t ho c nhi u nhà máy i n u n i vào h th ng i n qu c gia có công su t nh h n 30MW ho c các nhà máy i n n ng l ng tái t o c c p gi y phép ho t ng i n l c trong l nh v c phát i n (không bao g m các n v phát i n tham gia th tr ng phát i n c nh tranh).

5. *n v qu n lý s li u o m (n v qu n lý SL)* là n v ut , l p t, qu n lý, v n hành H th ng thu th p s li u o m t xa và H th ng qu n lý s li u o m trong ph m vi qu n lý, bao g m:

a) n v v n hành h th ng i n và th tr ng i n (n v v n hành HT -TT);

b) T ng công ty Truy n t i i n qu c gia;

c) T ng công ty i n l c (TCT L).

6. *n v qu n lý v n hành HT* là n v tr c ti p qu n lý, v n hành H th ng o m trong ph m vi qu n lý, bao g m:

a) n v phát i n (VP);

b) T ng công ty Truy n t i i n qu c gia;

c) T ng công ty i n l c.

7. *n v v n hành h th ng i n và th tr ng i n (n v v n hành HT - TT)* là n v ch huy, i u khi n quá trình phát i n, truy n t i i n, phân ph i i n trong h th ng i n qu c gia, qu n lý, i u ph i các giao d ch mua bán i n và d ch v ph tr trên th tr ng i n.

8. *H th ng o m* là h th ng bao g m các thi t b o m và m ch i n c tích h p o m và xác nh l ng i n n ng truy n t i qua m t v trí o m.

9. *H th ng thu th p, x lý và l u tr s li u o m* là t p h p các thi t b ph n c ng, ng truy n thông tin và các ch ng trình ph n m m th c hi n ch c n ng thu th p, truy n, x lý, l u tr s li u o m i n n ng ph c v mua bán, thanh toán trong th tr ng i n.

10. *Kho s li u o m EVN* là h th ng t ng h p, l u tr s li u o m ph c v qu n lý i n n ng giao nh n c a T p oàn i n l c Vi t Nam.

11. *Máy tính t t i ch* là máy tính c a n v qu n lý v n hành HT ph c v vi c thu th p và truy n s li u o m v trung tâm thu th p, x lý và l u tr s li u o m c a n v qu n lý SL .

12. *M t kh u m c “ ng b th i gian”* là m c m t kh u cho phép truy nh p công t c s li u và ng b th i gian c a công t . M t kh u m c này không cho phép cài t, thay i các thông s và ch ng trình làm vì c c a công t .

13. *Ngày D* là ngày giao d ch hi n t i.

14. *Ngu n th i gian chu n* là ngu n th i gian l y t h th ng nh v toàn c u (GPS) ho c t ngu n th i gian chu n qu c gia theo múi gi c a Vi t Nam (UTC +7).

15. *S li u o m* là giá tr i n n ng o c t công t o m, i n n ng tính toán ho c i n n ng trên c s c tính s li u o m ph c v giao nh n và thanh toán trong th tr ng i n.

16. *Tháng N* là tháng hi n t i.

17. *Trang Web th tr ng i n* là trang thông tin i n t n i b ph c v ho t ng giao d ch c a các thành viên th tr ng bán buôn i n c nh tranh.

i u 4. V trí i m o m ranh gi i

i m o m ranh gi i mua buôn i n c a TCT L ph c v xác nh s n l ng giao d ch trên th tr ng i n giao ngay, c th nh sau:

1. V trí o m giao nh n v i NPT.
2. V trí o m giao nh n v i các nhà máy i n u n i vào l i i n phân ph i thu c ph m vi qu n lý c a TCT L.
3. V trí o m giao nh n v i TCT L khác.
4. V trí o m giao nh n t i i m xu t - nh p kh u trên l i i n phân ph i (t c p i n áp trung áp tr lên) c a TCT L.

Ch ng II

THU TH P, KI M TR A S LI U O M

i u 5. Nguyên t c xác nh tính y , chính xác và h p l c a s li u o m

1. Ngu n s li u o m c n v qu n lý SL thu th p tr c ti p t các công t dùng làm ngu n s li u chính. Ngu n s li u o m c các n v qu n lý v n hành HT thu th p và gi v n v qu n lý SL dùng i chi u và làm ngu n s li u d phòng thay th , b sung cho ngu n s li u o m chính.

2. S li u c a công t o m chính ph i c so sánh v i s li u c a công t o m d phòng ã c quy i v cùng m t v trí o m. Sai s cho phép i chi u, so sánh s li u o m theo th a thu n gi a hai n v giao nh n i n.

3. Các s ki n c ghi nh n trong công t và s li u o m b t th ng ph i c ki m tra, ánh giá xác nh tính chính xác c a s li u công t o m.

4. Trong một chu kỳ giao dịch, nếu không thu thập các số liệu cơ bản của công tác chính và công tác phòng hộ số liệu thu thập không chính xác thì phải thể hiện các tính số liệu. Số liệu các tính số các bên giao nhận kiểm tra, xác nhận và chấp nhận (nếu có) số liệu các tính trong chu kỳ giao dịch đó.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc thu thập và kiểm tra số liệu

1. Đơn vị quản lý SL có trách nhiệm

a) Thể hiện thu thập, kiểm tra và công bố số liệu trong phạm vi thu thập;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình xử lý số gây sai lệch số liệu và giải quyết tranh chấp số liệu.

2. NPT, TCTL, VP có trách nhiệm

a) VP thu thập số liệu ngày D-1 của các công tác thông qua Hệ thống thu thập số liệu mới, gửi cho TCTL (đối với các nhà máy in của các TCTL thể hiện quản lý mua bán in) hoặc gửi văn bản hành HT - TT;

b) NPT, TCTL thu thập số liệu ngày D-1 của các công tác thông qua Hệ thống thu thập số liệu trong phạm vi quản lý và gửi Kho số liệu EVN và văn bản hành HT - TT số để làm nguồn số liệu so sánh chi phí và số liệu do văn bản hành HT - TT thu thập trực tiếp và xác nhận số liệu chính thức số để cho mục đích tính toán, thanh toán trong trường hợp in;

c) Mở kênh truyền kết nối với Đơn vị Quản lý SL phục vụ thu thập số liệu;

d) Theo dõi tình hình vận hành và số hệ thống; thông báo và cung cấp thông tin kịp thời và phối hợp xử lý số các đơn vị liên quan khi số xảy ra;

) Xác định số liệu ngày D-1 trên Trang Web trường in;

e) Phối hợp với Công ty Mua bán in hoặc TCTL của EVN quy định xây dựng, thể hiện phương thức giao nhận in hàng, công tác quy định phục vụ quá trình kiểm tra và các tính số liệu;

g) Thông báo phương thức vận hành, kết dây nhúng nhập phương thức giao nhận cho Đơn vị Quản lý SL phục vụ xác nhận và các tính số liệu;

h) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình kiểm tra và giải quyết tranh chấp số liệu.

3. Công ty Mua bán in có trách nhiệm

a) Ch ̣ tṛi x̣y ḍ ng ṿa tḥ a tḥu ṇ pḥ ng tḥ c̣ giao nḥ ṇ i ṇ ṇ ng ṿ i VP̣ , TCṬ L, NPṬ pḥ c̣ ṿ ṿi c̣ ki ṃ tra, c̣ ṭính ṣ li ụ ọ ṃ. Công ty Mua báṇ i ṇ có tṛách nhi ṃ cung c̣ p̣ chọ ṇ ṿ ṿ ṇ hành HṬ - TṬ pḥ ng tḥ c̣ giao nḥ ṇ i ṇ ṇ ng sau khị ã tḥ ng nḥ ṭ không quá 01 ngày làm ṿi c̣ sau khị nghi ṃ thu ḅ ng hình tḥ c̣ công ḅ trên Trang Web tḥ tṛ ng̣ i ṇ có xác nḥ ṇ cḥ ký ṣ ;

b) Xác nḥ ṇ ṣ li ụ ọ ṃ ngày D-1 trên Trang Web tḥ tṛ ng̣ i ṇ;

c) Pḥ i ḥ p̣ ṿ i các̣ ṇ ṿ liên quan trong quá trình ki ṃ tra, x̣ lý ṣ c̣ và gị i quy ṭ tranh cḥ p̣ ṣ li ụ ọ ṃ.

4. ṇ ṿ ṿ ṇ hành HṬ - TṬ có tṛách nhi ṃ

a) Tḥ c̣ hi ṇ thu tḥ p̣ ỵ các̣ ṣ li ụ ọ ṃ c̣ a các̣ i ṃ ọ ṃ ranh gị i giao nḥ ṇ c̣ a các̣ TCṬ L, các̣ nhà máỵ i ṇ ṇ ng ḷ ng tái ṭ o ký ḥ p̣ ng ṿ i Công ty Mua báṇ i ṇ, ranh gị i xu ṭ nḥ p̣ kḥ ụ i ṇ trên ḷ i i ṇ truy ṇ ṭ i tḥ c̣ hi ṇ ṭính toán, thanh toán trong tḥ tṛ ng̣ i ṇ;

b) Công ḅ các̣ ṣ li ụ ọ ṃ trên Trang Web tḥ tṛ ng̣ i ṇ pḥ c̣ ṿ thanh toán và ṿ ṇ hành tḥ tṛ ng̣ bán buôṇ i ṇ tḥ i ṃ;

c) Cung c̣ p̣ chọ Công ty Mua báṇ i ṇ, TCṬ L, NPṬ ṣ li ụ ọ ṃ i ṇ ṇ ng c̣ a ṭ ng chu ḳ giao ḍ cḥ c̣ a ngày D-1.

i u 7. Trình ṭ thu tḥ p̣, ki ṃ tra, công ḅ và xác tḥ c̣ ṣ li ụ ọ ṃ

1. Thu tḥ p̣ ṣ li ụ ọ ṃ

a) Ṭ 0h15-3h00 ngày D: ṇ ṿ ṿ ṇ hành HṬ - TṬ tḥ c̣ hi ṇ thu tḥ p̣ ṣ li ụ ọ ṃ (48 chu ḳ c̣ a ngày D-1) c̣ a ṭ ṭ c̣ các̣ ṿ trí ọ ṃ trong Tḥ tṛ ng̣ bán buôṇ i ṇ c̣ nḥ tranh tḥ i ṃ thu c̣ pḥ ṃ vi qụ ṇ lý c̣ a NPT, các̣ TCṬ L bao g̣ ṃ c̣ ṣ li ụ ọ ṃ xu ṭ - nḥ p̣ kḥ ụ i ṇ và các̣ nhà máỵ i ṇ ṇ ng ḷ ng tái ṭ o ký ḥ p̣ ng ṿ i Công ty Mua báṇ i ṇ;

b) Ṭ 3h00-7h00 ngày D: NPṬ và các̣ TCṬ L tḥ c̣ hi ṇ thu tḥ p̣ ṣ li ụ ọ ṃ (48 chu ḳ c̣ a ngày D-1) c̣ a các̣ ṿ trí ọ ṃ trong pḥ ṃ vi qụ ṇ lý, bao g̣ ṃ c̣ ṣ li ụ ọ ṃ xu ṭ - nḥ p̣ kḥ ụ i ṇ và gị i vào kho ṣ li ụ ọ ṃ EVN và ṇ ṿ ṿ ṇ hành HṬ -TṬ .

2. Công ḅ ṣ li ụ ọ ṃ thu tḥ p̣

Ṭ 7h00-10h00: ṇ ṿ ṿ ṇ hành HṬ - TṬ ṭ ng ḥ p̣, công ḅ ṣ li ụ ọ ṃ (48 chu ḳ c̣ a ngày D-1) c̣ a ṭ ṭ c̣ các̣ ṿ trí ọ ṃ trong Tḥ tṛ ng̣ bán buôṇ i ṇ c̣ nḥ tranh tḥ i ṃ thu c̣ pḥ ṃ vi qụ ṇ lý c̣ a NPT, các̣ TCṬ L bao g̣ ṃ c̣ ṣ li ụ ọ ṃ xu ṭ - nḥ p̣ kḥ ụ i ṇ.

3. i chi u ṣ li ụ ọ ṃ

Ṭ 10h00 -14h30: TCṬ L, Công ty Mua báṇ i ṇ, NPṬ tḥ c̣ hi ṇ ki ṃ tra, x̣ lý sai ḷ cḥ, xác nḥ ṇ ṣ li ụ i ṇ ṇ ng giao nḥ ṇ;

a) Tṛ ng ḥ p̣ không có sai ḷ cḥ: Chuy ṇ sang ḅ c̣ ki ṃ tra ṣ li ụ ọ ṃ;

b) Trường hợp có sai lệch: Kiểm tra, xác định nguyên nhân và tiến hành thu thập dữ liệu (nếu cần thiết).

4. Kiểm tra số liệu

a) Thực hiện kiểm tra, ghi chú số liệu do nhân viên vận hành HT - TT thu thập trực tiếp dữ liệu do nhân viên quản lý vận hành HT thu thập để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Nguồn số liệu do nhân viên vận hành HT - TT thu thập trực tiếp là nguồn số liệu chính;

b) Nhân viên vận hành HT - TT thực hiện so sánh giữa nguồn số liệu chính và nguồn số liệu dự phòng, so sánh số liệu giữa công tác chính và công tác dự phòng, kiểm tra các số liệu bất thường có ghi nhận trong công tác hay không và đánh giá các giá trị bất thường của số liệu;

c) Trường hợp có số liệu bất thường thì nhân viên vận hành HT - TT phải hỏi về các nhân viên liên quan xác định nguyên nhân, xử lý bất thường và thu thập dữ liệu;

d) Trường hợp có số liệu bất thường nhưng không thể thu thập được số liệu và chính xác thì nhân viên vận hành HT - TT có trách nhiệm theo dõi tính số liệu theo quy định tại Chương IV Quy trình này.

5. Công bố số liệu sau khi kiểm tra

Từ 14h30 -16h00: Nhân viên vận hành HT - TT công bố số liệu kiểm tra lên Trang Web trường nội và chia sẻ số liệu cho các nhân viên liên quan kiểm tra và xác định.

6. Xác định số liệu

Chỉ định vào 15h30 ngày D, nhân viên quản lý vận hành HT phải truy cập vào Trang Web trường nội xác định số liệu ngày D-1 cho các chỉ số thu thập về mặt kỹ thuật như sau:

a) Nếu không phát hiện sai sót thì nhân viên quản lý vận hành HT phải xác định số liệu;

b) Nếu phát hiện có sai sót thì nhân viên quản lý vận hành HT phải thông báo kịp thời, ý thông tin (số liệu sai sót và nguyên nhân) cho nhân viên vận hành HT - TT, nhân viên quản lý SL liên quan và phải xử lý;

c) Trong trường hợp nhân viên quản lý vận hành HT không xác định số liệu thì sau 16h00 ngày D số liệu sẽ công bố trên Trang Web trường nội thì nhân viên vận hành HT - TT sẽ đăng số liệu này phục vụ mục đích vận hành trường nội.

7. Chỉ định vào 16h00 ngày D, nhân viên vận hành HT - TT có trách nhiệm công bố lên trang Web trường nội số liệu chính thức ngày D-1 phục vụ công tác vận hành trường nội. Về các số liệu do các tính thì phải công bố các thông tin sau:

a) Số lượng nhân viên trực các tính;

b) Ph ng pháp và s li u u vào t ng ng dùng c tính s li u o m.

Ch ng III NG B TH I GIAN

i u 8. Trách nhi m c a các n v

1. Trách nhi m c a n v qu n lý SL

a) Ti p nh n m t kh u m c ng b th i gian t n v thí nghi m, ki m nh và qu n lý m t kh u m c ng b th i gian các công t giao nh n;

b) Giám sát th i gian c a công t và thông báo cho Công ty Mua bán i n, NPT, TCT L v các công t có sai l ch th i gian v t quá quy nh;

c) L p k ho ch và th c hi n ng b th i gian t xa ho c t i n i l p t công t ;

d) Ch trì, ph i h p v i n v qu n lý v n hành HT , Công ty Mua bán i n, n v thí nghi m, ki m nh trong vi c th c hi n ng b th i gian công t t t i ch ;

) L p biên b n xác nh n s li u o m tr c và sau khi ng b th i gian cho công t t i v trí l p t ;

e) Ch u trách nhi m v tính chính xác v th i gian c a h th ng thu th p s li u t i n v qu n lý SL .

2. Trách nhi m c a n v thí nghi m, ki m nh

a) Thí nghi m, ki m nh, cài t thông s , ng b th i gian t i ch niêm phong k p chì các thi t b o m theo h p ng ký k t v i n v s h u h th ng o m ho c n v qu n lý v n hành HT , m b o áp ng quy nh t i Thông t s 42/2015/TT-BCT ngày 01 tháng 12 n m 2015 c a B tr ng B Công Th ng quy nh o m i n n ng trong h th ng i n và quy nh c a pháp lu t v o l ng;

b) Th c hi n các bi n pháp qu n lý, b o m t các m t kh u công t o m và ch u trách nhi m tr c pháp lu t trong vi c qu n lý, b o m t các m t kh u công t o m do n v th c hi n cài t.

3. Trách nhi m c a VP , NPT và TCT L

a) Theo dõi ho t ng c a công t thu c h th ng o m i n n ng trong ph m vi qu n lý và thông báo k p th i cho n v qu n lý SL khi phát hi n công t có b t th ng v th i gian;

b) Ph i h p v i n v thí nghi m, ki m nh và các n v liên quan khi th c hi n ng b th i gian t i n i l p t công t ; xác nh n s li u o m tr c và sau khi ng b th i gian;

c) Ch trì th c hi n vi c ki m tra, ki m nh l i công t có s c v ng h th i gian.

4. Trách nhiệm của Công ty Mua bán điện

Phụ thuộc vào quy định của SL và các nhân viên liên quan khi thực hiện công bố thời gian tin tức công ty; xác định số liệu báo cáo và sau khi công bố thời gian.

Điều 9. Công bố thời gian công bố tin tức

1. Việc công bố thời gian công bố tin tức thực hiện hàng ngày cho các công ty thuộc hệ thống báo cáo chính và dự phòng giữa nhà máy điện và TCT L, giữa NPT và các TCT L, giữa các TCT L với nhau có thời gian sai lệch giữa công ty so với Nguồn thời gian chuẩn không vượt quá 05 giây và 03 phút.

2. Nhân viên quy định SL thực hiện công bố thời gian công bố tin tức báo cáo định kỳ báo cáo trong Hệ thống thu thập, xử lý và lưu trữ số liệu báo cáo trong hệ thống bán buôn điện cạnh tranh thị trường.

Điều 10. Công bố thời gian công bố tin tức

1. Công bố thời gian công bố tin tức áp dụng với các trường hợp sau:

a) Công ty không công bố tin tức;

b) Công ty lập kế hoạch, công ty thay thế hoặc công ty lập kế hoạch sau khi tháo ra kế hoạch.

2. Việc công bố tin tức do không thể lập kế hoạch công bố tin tức thì việc công bố thời gian công bố tin tức thực hiện hành động khắc phục với thời gian kế hoạch công bố tin tức.

3. Các nhân viên có trách nhiệm liên quan tham gia thực hiện công bố thời gian tin tức công ty.

Điều 11. Công bố thời gian thị trường truy cập số liệu

1. Nhân viên quy định SL có trách nhiệm tiến hành công bố thời gian của các thị trường truy cập số liệu với nguồn thời gian chuẩn khi thời gian của thị trường truy cập số liệu sai lệch quá 05 giây và 03 phút so với Nguồn thời gian chuẩn.

2. Việc công bố thời gian thị trường truy cập số liệu thực hiện tin tức trong quá trình thu thập số liệu báo cáo định kỳ. Trường hợp không tiến hành công bố tin tức, nhân viên quy định SL phụ thuộc vào các nhân viên liên quan xác định nguyên nhân báo cáo báo cáo pháp lý số liệu và báo cáo công bố thời gian cho thị trường truy cập số liệu.

Điều 12. Trình tự thực hiện công bố thời gian công bố tin tức

1. Hàng ngày, nhân viên quy định SL thực hiện việc báo cáo số liệu và công bố thời gian tin tức các công ty theo trình tự sau:

a) Kiểm tra, công bố thời gian của máy tính truy cập số liệu công ty với nguồn thời gian chuẩn trước khi thực hiện báo cáo số liệu công ty;

b) Kiểm tra, thí t l p l ch c và các tham s ng b th i gian công t ; tỉ n hành vi c thu th p s li u và ng b th i gian công t t xa b ng ch ng trình ph n m m thu th p s li u;

c) Theo dõi quá trình c s li u và ng b th i gian công t t xa t ng; kiểm tra k t qu ng b c a ch ng trình và th c hi n ng b l i t xa các công t ng b th i gian không thành công b ng tay;

d) Tr ng h p ng b không thành công thì kiểm tra, ph i h p v i các n v liên quan xác nh nguyên nhân và có bi n pháp x lý ng b th i gian công t t xa k p th i.

2. i v i công t không ng b c th i gian t xa, n v qu n lý SL có trách nhi m ch trì, ph i h p v i các n v liên quan xác nh nguyên nhân không th ng b c t xa. Tr ng h p nguyên nhân do công t b s c ng h th i gian, vì c x lý c th c hi n theo quy nh t i i u 14 Quy trình này.

3. Tr ng h p nguyên nhân sai l ch th i gian công t do s c thi t b khác, n v qu n lý thi t b b s c có trách nhi m kh c ph c s c trong th i gian s m nh t.

i u 13. Trình t ng b th i gian công t t i ch

Tr ng h p ph i th c hi n ng b th i gian công t t i n i ch n v Thí nghi m, kiểm nh th c hi n ng b th i gian công t theo trình t sau:

1. Kiểm tra, ng b th i gian c a máy tính dùng ng b th i gian công t t i n i l p t chính xác v i ngu n th i gian chu n.

2. c và ghi nh n th i gian công t , d li u v s n l ng c a thán g tr c li n k và thán g th c hi n ng b th i gian; c s li u các thanh ghi t c th i, thanh ghi ch t t ng và ch t các bi u giá c a ngày g n nh t ã thu th p c s li u.

3. Thí t l p các tham s ng b th i gian cho ph n m m ng b th i gian t i n i l p t công t .

4. S d ng m t kh u m c ng b ng b th i gian công t b ng ph n m m ng b th i gian t i n i l p t công t .

5. c và ghi nh n s li u công t , sai l ch th i gian công t sau khi ng b .

6. Tr ng h p sau khi ng b th i gian cho công t nh ng th i gian c a công t v n sai l ch so v i ngu n th i gian chu n trên 05 giây thì ph i tỉ n hành kiểm tra, xác nh nguyên nhân: N u nguyên nhân không ph i do s c công t và có th x lý c thì sau khi x lý s c ph i tỉ n hành l i vi c ng b th i gian; n u nguyên nhân do s c công t thì ph i tỉ n hành x lý theo quy nh t i i u 14 Quy trình này.

7. Tr ng h p ph i ng b th i gian công t t i n i l p t do s c thi t b khác, n v qu n lý thi t b b s c có trách nhi m kh c ph c s c trong

thời gian sớm nhất.

Điều 14. Xử lý sai lệch thời gian công tác

1. Thời điểm bắt đầu trong một chu kỳ kiểm tra kỹ thuật công tác, nếu phát hiện công tác sai lệch thời gian so với quy định thời gian chuẩn là hơn 15 phút hoặc công tác phải ngừng thời gian trong 02 ngày liên tiếp thì người có thời gian sai lệch là hơn 03 phút so với quy định thời gian chuẩn, các bên tiến hành kiểm tra, xử lý khắc phục hoặc thay thế nếu công tác bị ngừng nghỉ thời gian thực. Người quản lý SL có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc công bố trên trang Web trực tuyến tình trạng công tác này cho Công ty Mua bán điện, người quản lý vận hành HT và các đơn vị liên quan.

2. Đơn vị sử dụng công tác có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị liên quan và chịu chi phí tiến hành kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế máy công tác bị sự cố ngừng thời gian.

Chương IV CÁC TIÊU CHUẨN LI U O M

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Người quản lý SL có trách nhiệm

a) Chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị trong quá trình xác nhận và các tính số liệu ở mức vận hành Trạm biến áp bán buôn điện cạnh tranh thí điểm;

b) Xác nhận hoặc các tính số liệu ở mức theo thứ tự ưu tiên quy định tại Điều 17 Quy trình này;

c) Khi phát hiện hình thức ở mức chính thức không thu thập các dữ liệu hoặc số liệu bất thường, trước 12h00 ngày D, người quản lý SL phải thông báo cho đơn vị vận hành HT thông báo cho các đơn vị liên quan phối hợp xử lý.

2. Người quản lý vận hành HT có trách nhiệm

a) Cung cấp kết quả thi công thực vận hành của ngày D cho người quản lý SL trong trường hợp hình thức ở mức chính thức hoặc có thay đổi thi công thực kết thúc;

b) Thảo luận với Công ty Mua bán điện về thi công quy định liên quan ở mức vận hành thí điểm phòng vận hành ở mức chính thức.

3. Công ty Mua bán điện có trách nhiệm

a) Phối hợp với người quản lý SL trong việc xác nhận hoặc các tính số liệu ở mức;

b) Chỉ đạo tính toán xác nhận liên quan các hoạt động chính tại vị trí ở mức vận hành trong trường hợp ở mức chính thức để vận hành các giao nhận giữa NPT và TCT L, xuất-nhập khu vực pin áp 110 kV trở lên;

c) Cung cấp cho nhân viên quản lý SL phương thức giao nhận điện năng khi có thay đổi.

4. Nhân viên vận hành HT - TT có trách nhiệm

a) Trong trường hợp sử dụng phương pháp tính số lượng điện mà phải sử dụng số lượng điện vào là số lượng SCADA hoặc nhật ký vận hành, nhân viên vận hành HT - TT có trách nhiệm cung cấp cho nhân viên quản lý SL các số liệu của các chu kỳ tích phân công tơ bậc cơ;

b) Công bố số lượng điện xác nhận hoặc tính trong thời gian số lên Trang Web trực tuyến.

Điều 16. Trình tự xác nhận số lượng điện số lượng điện công tơ phòng

1. Nhân viên trí tuệ mô phỏng phòng trùng với vị trí điện chính thì dữ liệu của công tơ phòng cần thay thế công tơ chính cho chu kỳ mà công tơ chính bậc cơ không thu thập được dữ liệu.

2. Trường hợp vị trí điện mô phỏng không trùng với vị trí điện chính thì sử dụng phương pháp xác nhận số lượng điện nhập xuất hàng ngày của phòng để cân bằng nút (tổng số lượng điện nhập xuất hàng ngày của nút có tính đến nút tiếp theo). Trình tự thực hiện như sau:

a) Xác nhận mô phỏng phòng và công thức theo phương pháp cân bằng nút cho điện cơ bản xác nhận;

b) Tính toán số lượng điện cho các chu kỳ tích phân có xy ra số chênh lệch điện.

Điều 17. Nguyên tắc tính số lượng

Khi số lượng điện công tơ chính (bao gồm số lượng điện nhập xuất hàng ngày, phần kháng) không thu thập được hoặc thu thập không chính xác thì số lượng điện cần xác nhận và tính bằng các phương pháp theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Số lượng điện của công tơ phòng quy định vị trí điện chính.

2. Nếu sử dụng số lượng điện hàng ngày SCADA và số lượng điện của công tơ điện chính, để phòng ngừa các sai sót, điện nút lên cần quy định tại Điều 18 Quy trình này.

3. Nếu sử dụng số lượng điện Nhật ký nhập xuất và quy định vị trí công tơ điện chính cần quy định tại Điều 19 Quy trình này.

4. Nếu sử dụng số lượng điện theo nhật ký vận hành thì các trạm và đường dây

lần c n theo nguyên t c cân b ng nút (có tính n t n th t).

5. Tr ng h p không thu th p c s li u t 3 chu k 30 phút tr lên thì s d ng s li u c a ngày i n hình g n nh t.

i u 18. c tính theo ph ng pháp n i suy tích phân s li u SCADA

S n l ng c tính theo ph ng pháp n i suy tích phân s li u SCADA c xác nh theo công th c sau:

$$Q_t = \int P$$

Trong ó:

- t: Th t chu k tích phân c a công t x y ra s c h th ng o m (t l n 48);

- Q_t : S n l ng i n n ng c tính c a công t chính t i chu k tích phân th t, MWh;

- P: Công su t t i th i i m i qua v trí o m chính do h th ng SCADA ghi nh n, MW (Quy c chi u giao thì $P > 0$, chi u nh n thì $P < 0$).

i u 19. c tính theo ph ng pháp n i suy tích phân theo nh t ký l nh i u có xét n t c t ng gi m t i.

1. Ph ng pháp này c áp d ng c tính s n l ng i n n ng t i u c c t máy phát i n. n v qu n lý SL xây d ng bi u công su t phát c a t máy theo th i gian c n c trên t c t ng, gi m t i c a t máy phát i n, l nh huy ng công su t c a n v v n hành HT -TT và các s ki n ghi trong nh t ký l nh i u . C n c bi u công su t phát c a t máy phát i n, n v qu n lý SL tính toán s n l ng i n n ng t i u c c t máy phát i n cho chu k c n c tính.

2. Các b c th c hi n

a) Xác nh t máy có công t c n c tính s n l ng i n n ng và nh t ký v n hành c a t máy ó trong th i gian công t c a t máy này b s c c n c tính s li u;

b) c tính s n l ng i n n ng phát c a t máy c a t ng chu k tích phân b ng ph ng pháp n i suy tích phân c n c nh t ký v n hành và t c t ng/gi m t i:

$$QDC_t = \int P(r, T)$$

Trong ó:

- t: Th t chu k tích phân c a công t x y ra s c h th ng o m;

- QDCt : Sản lượng điện năng ước tính của công tơ đầu cực máy phát điện tại chu kỳ tích phân thứ t, MWh;
 - $P(\alpha, T)$: Hàm số công suất phát của tổ máy theo thời gian, MW;
 - α : Tốc độ tăng, giảm tải của tổ máy phát điện, dùng để xây dựng hàm số công suất $P(\alpha, T)$, MW/s;
 - T: Biến số thời gian trong chu kỳ tích phân t, giây.
- c) Các công tơ chính ước tính theo nguyên tắc quy đổi theo hệ số thỏa thuận.

Chương V

LƯU TRỮ VÀ KIỂM TOÁN SỐ LIỆU ĐO ĐẾM

Điều 20. Lưu trữ số liệu đo đếm

1. Hệ thống lưu trữ số liệu đo đếm do Đơn vị quản lý SLĐĐ thu thập trực tiếp phải độc lập với hệ thống lưu trữ số liệu đo đếm do các Đơn vị quản lý vận hành HTĐĐ gửi về.

2. Thông tin lưu trữ phải phân biệt được nguồn số liệu được thu thập chính, dự phòng hay do ước tính số liệu đo đếm; đồng thời lưu lại quá trình chỉnh sửa số liệu đo đếm, khiếu nại và xử lý khiếu nại của các đơn vị phục vụ mục đích theo dõi và kiểm toán số liệu.

3. Số liệu đo đếm phải được lưu trữ ít nhất trong 05 năm.

Điều 21. Kiểm toán số liệu đo đếm

1. Hàng năm, Đơn vị vận hành HTĐ - TTĐ có trách nhiệm thuê đơn vị kiểm toán quá trình thu thập và xử lý số liệu đo đếm của Đơn vị quản lý số liệu đo đếm theo quy định.

2. Trên cơ sở báo cáo kiểm toán, Đơn vị vận hành HTĐ - TTĐ có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền và công bố kết quả kiểm toán theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Anh Tuấn